

NHỊP ĐỘ NHẬN THỨC VÀ TỰ ĐÁNH GIÁ KHUYNH HƯỚNG CHỌN NGHỀ CỦA HỌC SINH - MỘT CƠ SỞ KHOA HỌC ĐỂ DẠY HỌC PHÂN HOÁ CÓ KẾT QUẢ

• PGS.TS. VÕ THỊ MINH CHÍ
Đại học Sư phạm Hà Nội

I. Đặt vấn đề

Lần sóng cải cách giáo dục (GD) lần thứ ba trên thế giới hướng tới việc chuẩn bị cho thế hệ trẻ bước vào thế kỉ XXI, được UNESCO xác định với nhiệm vụ trọng tâm là giải quyết mối quan hệ giữa tính toàn cầu và tính cá thể, đó cũng chính là cốt lõi của: “Giáo dục hướng tới cá nhân”. Theo đó, người học cần được cung cấp nhiều cơ hội lựa chọn việc học tập phù hợp với năng lực và nguyện vọng cá nhân để vừa hoàn thiện “cái tôi” của mỗi người, phát triển tối đa tiềm năng của mình, vừa đáp ứng yêu cầu ngày càng đa dạng của xã hội phát triển. Yêu cầu đó đã dẫn đến sự phân hoá ngày càng sâu, rộng trong dạy học với các hình thức tổ chức khác nhau. Các nghiên cứu liên quan đến dạy học phân hoá đều đã chỉ ra rằng cần có sự tham gia đóng góp của nhiều ngành khoa học, nhiều lĩnh vực nghiên cứu mới tìm ra được cơ sở vững chắc cho việc dạy học theo hướng này. Với đặc thù về chuyên môn, tâm lí học (TLH) có thể tham gia định hướng cho công tác dạy học phân hoá trên cơ sở nghiên cứu sự khác biệt cá nhân về nhịp độ nhận thức và về khuynh hướng chọn nghề của học sinh (HS).

II. Tổ chức nghiên cứu

Nghiên cứu được tiến hành trong khuôn khổ đề tài “Phân hoá trong GD phổ thông Việt Nam sau năm 2015” thuộc chương trình nghiên cứu khoa học cấp Bộ giai đoạn 2006-2008: “Phát triển GD&ĐT Việt Nam trong quá trình hội nhập quốc tế”. Nhóm nghiên cứu đã triển khai ở 9 tỉnh (Đà Nẵng, Hà Nam, TP. Hồ Chí Minh, Hoà Bình, Quảng Nam, Tây Ninh, Thanh Hoá, Tiền Giang, Vĩnh

Phúc) đại diện cho các vùng miền trên cả nước với 630 HS lớp 9, 1260 HS lớp 10 và sử dụng các trắc nghiệm CAT (Cognitivities Abilities Test), trắc nghiệm Golomxtoc, đã được các tác giả Việt Nam chuẩn hoá. Đây là hai trắc nghiệm có tính bao quát, phản ánh nhiều khía cạnh nhận thức và tự xác định khả năng, chọn nghề ở HS. Thời gian tiến hành trắc nghiệm CAT là 100 phút (không kể thời gian hướng dẫn cách làm bài tập và nghỉ giữa giờ); trắc nghiệm Golomoc từ 40 đến 45 phút. Cả hai trắc nghiệm đều tiến hành theo tập thể¹.

III. Kết quả nghiên cứu

Bảng 1: Kết quả về nhận thức của HS ở các lĩnh vực trí tuệ khác nhau (Đơn vị: số bài tập thực hiện đúng)

Lớp	Các lĩnh vực trí tuệ nghiên cứu	N	Điểm tối đa theo trắc nghiệm	X + SD
9	Hiểu ngôn ngữ	630	50	35.5 ± 5.6
	Tư duy ngôn ngữ		45	27.1 ± 6.2
	Tư duy trực quan		50	38.0 ± 9.5
	Tư duy cấu trúc		28	22.5 ± 4.9
	Tư duy số học		37	20.7 ± 6.2
	Năng lực tính		35	25.5 ± 6.4
10	Hiểu ngôn ngữ	1260	50	31.2 ± 4.3
	Tư duy ngôn ngữ		45	25.3 ± 5.5
	Tư duy trực quan		50	37.7 ± 7.6
	Tư duy cấu trúc		28	23.1 ± 4.1
	Tư duy số học		37	20.1 ± 5.2
	Năng lực tính		35	27.4 ± 6.1

(Ghi chú: N: Số HS tham gia trả lời phiếu; X: Điểm trung bình về trí tuệ; SD: Độ lệch chuẩn)

¹ Trắc nghiệm CAT - Trắc nghiệm nghiên cứu năng lực trí tuệ theo các tiêu chí hiển thị ở bảng 1. Đây là trắc nghiệm của EU do PGS.TS. Nguyễn Huy Tú viết hóa, Trung tâm Tâm lí học - Sinh lí lứa tuổi - Viện Nghiên cứu Sư phạm đã tiến hành đo đạc, sử dụng và chuẩn hóa trên HS cả nước từ năm 2000-2004. Còn trắc nghiệm Golomxtoc nghiên cứu hứng thú nghề nghiệp với các lĩnh vực ngành nghề như ở bảng 4, dựa trên cơ sở tự đánh giá về nhận thức, hành vi và cảm xúc đối với các ngành nghề cụ thể.

Kết quả trên phản ánh:

+ Điểm số mà HS đạt được ở các khối lớp 9 và lớp 10 đều ở mức trung bình và trung bình khá so với điểm tối đa của trắc nghiệm.

+ Xét theo giá trị tuyệt đối, điểm trung bình (X) của HS khối 9 ở một vài lĩnh vực trí tuệ đạt mức cao hơn so với HS khối 10. Chẳng hạn như: hiểu ngôn ngữ, tư duy ngôn ngữ, tư duy trực quan. Kết quả này, theo chúng tôi phụ thuộc vào việc chọn mẫu nghiên cứu chứ không liên quan đến phát triển trí tuệ theo lứa tuổi.

Các lĩnh vực tư duy ngôn ngữ, tư duy số học và năng lực tính thể hiện qua kết quả nghiên cứu ở cả HS hai khối lớp đều có điểm số trung bình thấp hơn so với điểm trung bình của các lĩnh vực khác (và so với điểm tối đa của trắc nghiệm).

Như vậy, với thời gian làm bài trong giới hạn như nhau đối với tất cả HS tham gia nghiên cứu, kết quả bằng điểm số (số bài làm đúng) đã phản ánh nhịp độ không chỉ số lượng mà cả chất lượng nhận thức của các em. Để đánh giá các mức độ

trí tuệ thông qua nhịp độ nhận thức, chúng tôi chuyển đổi kết quả thu được sang chỉ số IQ (theo chỉ định của trắc nghiệm) (Xem bảng 2).

+ 84% HS khối 9 và 89% HS khối 10 có mức phát triển trí tuệ khá và trung bình. Số còn lại: 16% HS khối 9 và 12% HS khối 10 có IQ ở mức thấp, được gọi là thiếu năng và chậm phát triển ranh giới². Theo nhận xét của chúng tôi, những HS này có thể bị hổng kiến thức từ các lớp dưới.

Tìm hiểu nguyên nhân hiện tượng IQ thấp của HS tham gia nghiên cứu, được biết ở các em này đều có một hoặc hai tiêu chí - lĩnh vực trí tuệ rất thấp, kéo theo tổng điểm nhận thức và suy ra IQ chỉ đạt mức thấp như đã nói trên. Do vậy, về định lượng, chỉ số IQ của các em thể hiện mức thiếu năng trí tuệ và chậm phát triển ranh giới song về bản chất thì các em không phải là những HS thiếu năng trí tuệ.

Có nhiều nguyên nhân để li giải hiện tượng trên song về nhận thức, có thể tham khảo các số liệu của bảng 3 dưới đây.

Bảng 2: Sự phân hoá mức độ phát triển trí tuệ (IQ)

Khối lớp	Mức độ phát triển trí tuệ	Mức độ IQ	Số lượng	%
9	Tốt	$IQ \geq 130$	0	0
	Khá	$129 \geq IQ \geq 100$	373	60
	Trung bình	$99 \geq IQ \geq 85$	150	24
	Thiếu năng + Chậm phát triển ranh giới	$84 \geq IQ \geq 70$	99	16
10	Tốt	$IQ \geq 130$	2	1
	Khá	$129 \geq IQ \geq 100$	694	55
	Trung bình	$99 \geq IQ \geq 85$	409	32
	Thiếu năng + Chậm phát triển ranh giới	$84 \geq IQ \geq 70$	155	12

Bảng 3. Số lượng và % HS đạt điểm số thấp ở các lĩnh vực trí tuệ

Các lĩnh vực trí tuệ		Tư duy cấu trúc	Năng lực tính	Tư duy số	Tư duy ngôn ngữ	Hiểu ngôn ngữ	Không hiểu cách làm
Lớp 10	N	38	76	40	1	0	52
	%	18,4	36,7	19,3	0,5	0	25,1
Lớp 9	N	8	25	22	34	20	12
	%	6,6	20,7	18,2	28,1	16,5	9,9

² Chậm phát triển trí tuệ ranh giới và thiếu năng trí tuệ là các mức độ phát triển trí tuệ tính theo chỉ số IQ (xem bảng 2). Tuy nhiên, về bản chất đã là thiếu năng trí tuệ thì các cấu thành của nó đều ở mức thấp và rất thấp so với điểm chuẩn của trắc nghiệm. Còn chậm phát triển ranh giới thì chỉ có một vài tiêu chí trong cấu thành đạt mức thấp, còn lại - ở mức trung bình trở lên. Trẻ thiếu năng trí tuệ không có khả năng học các môn văn hóa, HS chậm phát triển ranh giới - có khả năng theo học chương trình phổ thông, nhưng phải được phát hiện sớm và được can thiệp, tác động phù hợp với mức độ phát triển trí tuệ của chúng.

Như vậy, với HS khối 10, các lĩnh vực trí tuệ (xếp theo thứ tự từ cao xuống thấp) mà HS yếu kém là năng lực tính, tư duy số và tư duy cấu trúc; còn ở khối 9 - tư duy ngôn ngữ, tính, tư duy số, hiểu ngôn ngữ. Sự yếu kém dẫn đến điểm số làm bài tập ở HS thuộc các lĩnh vực trí tuệ khác nhau đã dẫn đến tổng điểm về nhịp điệu nhận thức cũng như mức độ phát triển trí tuệ thấp. Có thể coi đây không chỉ là tín hiệu đáng buồn của những HS cụ thể mà là hiện tượng cần được xem xét, đánh giá ở các cấp quản lí cao hơn vì không lẽ HS đã qua 2/3 chặng đường của giáo dục phổ thông mà những kĩ năng cơ bản trong tư duy nói riêng, trong trí tuệ nói chung được phát hiện vẫn còn ở trình độ thấp và chưa có biện pháp xử lí.

Như vậy, nghiên cứu nhịp độ nhận thức của HS đã cho thấy có sự phân hoá tương đối rõ nét. Đây là một cơ sở khoa học để nhà trường dựa vào đó tiến hành tổ chức dạy học phân hoá theo khả năng nhận thức của các em.

Kết quả nghiên cứu khuynh hướng lựa chọn nghề cho thấy nhiều lĩnh vực khoa học, nhất là khoa học tự nhiên được HS "ưu thích" lựa chọn và sự lựa chọn nghề của số HS này dựa trên cơ sở nhịp độ nhận thức của bản thân (với giá trị mức độ IQ cho phép). Tuy nhiên, khi phân tích sâu đã cho thấy có biểu hiện "lúng túng" trong lựa chọn khuynh hướng phát triển bản thân về "đường đời" ở HS. Rất nhiều HS cả ở lớp 9 và lớp 10 đã tự đánh giá mình cùng một lúc có thể phát

triển ở nhiều lĩnh vực khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nghệ thuật... khác nhau. Các em cho rằng, lĩnh vực nào đang "hấp dẫn" phải đánh dấu vào đó thì mới có tương lai (không cần biết các lĩnh vực nhận thức của bản thân có phù hợp hay không, dù rằng IQ chung cho phép).

Kết quả nghiên cứu bằng trắc nghiệm Golomxtoc ở những HS có nhịp độ nhận thức từ mức trung bình trở lên cho thấy HS cần được tư vấn chọn nghề tốt hơn, có như vậy, việc lựa chọn nghề, khuynh hướng hoạt động của HS trong tương lai mới phù hợp với "tố chất" của từng em, giúp các em phát triển tốt nhất trên cơ sở khả năng ưu thế của mình.

Bảng 4: Kết quả về khuynh hướng lựa chọn hoạt động nghề của HS

Các lĩnh vực	Khối 9			Khối 10		
	Tổng số HS	Số HS có khuynh hướng chọn nghề theo năng lực	%	Tổng số HS	Số HS có khuynh hướng chọn nghề theo năng lực	%
Vật lí	622	473	76,0	1260	979	77,6
Toán học		492	79,0		1033	81,9
Hóa học		553	88,9		1145	90,8
Thiên văn học		518	83,3		1135	90,0
Sinh học		423	68,0		1027	81,5
Y học		356	58,9		840	66,6
Nông nghiệp		369	59,3		825	65,4
Lâm nghiệp		404	64,9		884	70,1
Văn học		356	57,2		773	61,3
Báo chí		447	71,8		996	79,0
Lịch sử		376	60,4		774	61,4
Nghệ thuật		268	43,0		538	42,6
Địa chất		306	49,1		768	60,9
Chính trị		421	67,6		925	73,4
Công tác xã hội		356	57,2		872	69,2
An ninh		389	62,5		907	71,9
Hàng không + Biển		427	68,6		868	68,8
Nuôi dạy trẻ		273	43,8		720	57,1
Thiết kế máy		288	46,3		691	54,8
Đầu bếp		481	77,3		971	77,0
Xây dựng		163	26,0		294	23,3
Trang trí nội thất		349	56,1		802	63,6
Kĩ thuật		311	50,0		641	50,8
Điện tử dân dụng		295	47,4		651	51,6
Khoa học tự nhiên		378	60,7		864	68,5
Khoa học xã hội		258	41,4		509	40,3

Bảng 5: Kết quả về khuynh hướng chọn nghề của HS có IQ ≤ 85

Khối lớp	Các lĩnh vực hoạt động	Số HS có hứng thú		Tổng số	Số % so với toàn bộ HS
		Rất rõ	Yếu		
9	Vật lí	36	12	80	12,91
	Toán học	53	15	88	14,15
	Hóa học	27	20	91	14,63
	Thiên văn học	35	16	82	13,18
	Sinh học	30	27	70	11,25
	Y học	20	25	61	9,80
	Nông nghiệp	18	25	59	9,48
	Lâm nghiệp	22	0	44	7,07
	Văn học	14	32	64	10,29
	Báo chí	12	36	78	12,54
	Lịch sử	22	24	70	11,25
	Nghệ thuật	9	21	43	6,91
	Địa chất	16	22	52	8,36
	Chính trị	24	23	71	11,41
	Công tác xã hội	19	25	60	9,64
	An ninh	11	33	69	11,09
	Hàng không + Biển	16	58	94	15,10
	Nuôi dạy trẻ	10	25	44	7,07
	Thiết kế máy	13	23	48	7,71
	10	Đầu bếp	32	29	82
Xây dựng		12	11	34	5,46
Trang trí nội thất		15	30	60	9,64
Kĩ thuật		21	16	56	9,00
Điện tử dân dụng		20	25	56	9,00
Vật lí		82	18	123	9,76
Toán học		72	7	123	9,76
Hóa học		44	19	129	10,23
Thiên văn học		64	24	130	10,31
Sinh học		62	28	124	9,84
Y học		38	29	106	8,41
Nông nghiệp		23	45	97	7,69
Lâm nghiệp		48	29	156	12,38
Văn học		24	28	86	6,82
Báo chí		35	45	104	8,25
Lịch sử		31	35	85	6,74
Nghệ thuật		6	36	56	4,44
Địa chất		41	26	83	6,58
Chính trị		42	23	112	8,88
Công tác xã hội		28	37	103	8,17
An ninh	34	49	113	8,96	
Hàng không + Biển	22	51	110	8,73	
Nuôi dạy trẻ	8	85	127	10,07	
Thiết kế máy	25	33	80	6,34	
Đầu bếp	36	26	111	8,80	
Xây dựng	13	20	43	3,41	
Trang trí nội thất	17	56	101	8,15	
Kĩ thuật	33	26	76	6,3	
Điện tử dân dụng	28	26	76	6,3	

Với HS có IQ ≤ 85 (nhịp độ nhận thức đạt mức yếu) thì khuynh hướng chọn nghề lại càng có nhiều vấn đề phải suy nghĩ. Việc các em hứng thú, yêu thích những lĩnh vực khoa học, các ngành nghề dân dụng khác nhau là điều không nên ngăn cản song vì lí do kém về tính toán, tư duy số, tư duy bằng ngôn ngữ... thì chắc chắn không thể theo học các ngành khoa học cơ bản như toán, lí... Trong số HS này vẫn có em tự đánh giá có thể học để tham gia Olympic Vật lí hoặc trở thành những cán bộ có tay nghề, kĩ năng tốt để giải quyết những vấn đề trong toán học. Rõ ràng, kết quả bảng 5 cho thấy việc lựa chọn lĩnh vực hoạt động của nhóm HS này chưa thực sự dựa trên sự tự đánh giá đúng về khả năng của bản thân. Số lượng HS có IQ ≤ 85 chiếm từ 12 đến 16% số học HS tham gia nghiên cứu cho nên để các em tự đề đạt nguyện vọng, chẳng hạn như theo học ban nào sẽ là yếu tố gây nhiễu, gây khó khăn cho việc dự báo và tổ chức học theo các ban như quy định hiện nay.

Như vậy, có thể khẳng định rằng, nghiên cứu nhịp độ nhận thức và khuynh hướng lựa chọn nghề ở HS sẽ giúp việc tổ chức dạy học phân hoá (mà phân ban là một hình thức) có cơ sở khoa học. Tuy nhiên, để việc thực thi dạy học phân hoá có kết quả thì việc đánh giá, xác định cho HS mức độ phát triển nhận thức của mình, tư vấn để các em thấy rõ được ưu thế trong phát triển trí tuệ của bản thân, từ đó kết hợp sở thích cá nhân với các yếu tố gia đình, xã hội thì những quyết định đưa ra mới có cơ sở khoa học và phù hợp với khả năng của chính các em.

(Xem tiếp trang 64)